TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2019/DS-ST
Ngày 16-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Th
Ông Trần Anh D

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim O - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1977 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1982 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh B.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960 (có mặt)
Chị Ngô Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Chị H do anh Nguyễn Đức H đại diện theo ủy quyền (có mặt)
Đều cư trú: thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019, bản tự khai ngày 10/5/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngô Thị L trình bày:

Vợ chồng anh H, chị H có đến nhà chị mua cám chăn nuôi gà, lợn. Hai bên thỏa thuận chị cung cấp cám cho vợ chồng anh H. Sau mỗi đợt chăn nuôi, vợ chồng anh H bán gà, lợn phải thanh toán tiền cám cho chị. Theo thỏa thuận chị cung cấp cám cho vợ chồng anh H từ ngày 16/10/2010. Trong quá trình mua bán cám có lần anh H đến lấy cám, có lần chị H, lần bà Th là mẹ đẻ của anh H đến lấy cám. Việc

mua bán cám giữa chị và vợ chồng anh H trong thời gian dài, vợ chồng anh H lấy rất nhiều lần nên có khi lấy mấy lần thì mới chốt sổ, có khi lấy một lần chốt sổ. Những lần vợ chồng anh H chở cám hay bà Th chở cám chị đều cho ký vào sổ theo dõi của chị. Trong quá trình mua bán cám với vợ chồng anh H giữa chị và bà Th không có thỏa thuận việc mua bán cám bằng miệng hay hợp đồng mua bán cám bằng văn bản mà chỉ có chị Ngô Thị H là con dâu của bà Th có nói với chị là lấy cám nhà chị về để vợ chồng chị H và bà Th cùng chăn nuôi. Cụ thể bà Th xuống trở các lần: Ngày 23/11/2010 bà Th có xuống đèo loai cám 40x60 thành tiền là 240.000 đồng và 1 bao XH 120S thành tiền là 260.000 đồng nhưng không ký vào sổ theo dõi bán cám của chị. Ngày 25/8/2013 bà Th chở 4 bao cám 7510, mỗi bao là 310.000 đồng, thành tiền 1.240.000 đồng. Ngày 28/8/2013 bà Th chở 10 bao cám 7510, mỗi bao là 310.000 đồng, thành tiền 3.200.000 đồng. Ngày 06/9/2013 bà Th chở 5 bao cám T45, mỗi bao là 320.000 đồng, thành tiền 1.600.000 đồng. Ngày 25, 28 và ngày 06/9/2013 bà Th đều ký " Th" vào sổ bán cám của chị.

Ngày 12/9/2013 gia đình anh H lấy cám lần cuối, hai bên đối chiếu và chốt số tiền mua cám đến ngày 24/4/2014 vợ chồng anh H còn nợ chị số tiền 84.890.000 đồng. Ngày 21/4/2014 anh H trả 10.000.000 đồng. Ngày 24/4/2014 anh H trả 2.000.000 đồng. Vợ chồng H còn nợ chị số tiền là 72.890.000 đồng tính từ ngày 25/4/2014. Đến ngày 23/7/2015 anh H xuống nhà chị ký vào sổ theo dõi mua bán cám của chị số tiền 72.890.000 đồng. Từ sau khi chốt nợ, chị có đến nhà anh H đòi tiền nhiều lần, lần gần đây nhất là vào tháng 5 năm 2018 chị có lên nhà chị H, đòi tiền nhưng chị H không trả nên chị đã khởi kiện ra Tòa án. Chị đề nghị không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho chị. Đến nay chị xác định bà Th và anh H, chị H còn nợ chị số tiền mua cám là 72.890.000 đồng. Chị yêu cầu bà Th và anh H, chị H có trách nhiệm trả chị số tiền 72.890.000 đồng và lãi là 0,75% / tháng, kể từ ngày 23/7/2015 âm lịch cho đến khi xét xử.

Chị L cho rằng thời gian bán cám cho vợ chồng anh H, bà Th chồng chị là anh Trần H. Ngày 19/6/2017 vợ chồng chị đã được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn. Số tiền anh H, chị H và bà Th nợ, vợ chồng chị đã thống nhất là tài sản riêng của chị, do chị toàn quyền quyết định không liên quan gì đến anh H và các con của chị. Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2019 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Đức H trình bày: khoảng năm 2015 gia đình anh có mua cám của chị L, vợ chồng anh mua chịu cám. Trong thời gian vợ chồng anh mua cám có lần anh là người trực tiếp đi lấy cám, lần chị H đi chở, lần anh nhờ mẹ anh là bà Nguyễn Thị Th đi chở hộ. Việc mua bán cám giữa vợ chồng anh và chị L được ghi vào sổ theo dõi của chị L. Đến ngày 19/01/2014 chốt nợ với tổng số tiền là 84.890.000 đồng. Đến ngày 23/7/2015 vợ chồng anh còn nợ chị L 72.890.000 đồng. Từ sau ngày 24/4/2014 đến cuối năm 2016 chị L đến nhà anh để đòi tiền nhưng vợ chồng anh không có tiền trả. Anh đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng anh. Đối với 4 mã cám mà mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Th đến nhà chị L chở, anh

xác định sau khi bà Th lấy cám nhà chị L về đã giao lại cho vợ chồng anh nên anh có trách nhiệm trả số tiền trên không liên quan gì đến bà Th. Nay chị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh, bà Th trả số tiền mua cám còn nợ, anh đồng ý trả dần chị L số tiền nợ 72.890.000 đồng, tiền lãi anh đề nghị cho anh xin vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa anh H đồng ý trả chị L số tiền 72.890.000 đồng, anh đề nghị xin lãi. Số tiền trên anh xác định là trách nhiệm của vợ chồng anh không liên quan gì đến bà Th.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2019 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị H trình bày: năm 2010 vợ chồng chị có chăn nuôi gà đã mua cám của nhà chị L anh H. Việc mua bán cám do vợ chồng chị trực tiếp giao dịch với chị L. Khi lấy cám thì chị L đều bắt ký vào sổ và chốt nợ đến ngày lấy cám. Tháng 8 năm 2013 do con trai chị bị ốm phải điều trị ở viện Nhi Hà Nội nên mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị Th ở nhà có đi chở cám hộ cho vợ chồng chị ở nhà chị L cụ thể là: Ngày 25/8/2013 bà Th chở 4 bao cám 7510, mỗi bao là 310.000 đồng, thành tiền là 1.240.000 đồng. Ngày 28/8/2013 bà Th chở 10 bao cám 7510, mỗi bao là 310.000 đồng, thành tiền là 3.200.000 đồng. Ngày 06/9/2013 bà Th chở 5 bao cám T45, mỗi bao là 320.000 đồng, thành tiền là 1.600.000 đồng. Vợ chồng chị ở riêng từ năm 2003 và đã tách khẩu riêng với bà Th, việc mua bán cám giữa vợ chồng chị và chị L không liên quan gì đến bà Th. Đến nay chị L yêu cầu trả số tiền nợ 72.890.000 đồng và lãi suất, vợ chồng chị đồng ý trả chị L số tiền trên còn tiền lãi do điều kiện kinh tế khó khăn chị xin lãi. Do đó công việc rất bận chị đi làm công ty nên chị đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại các buổi làm việc, đối chất, hòa giải, xét xử vụ án. Chị đồng ý ủy quyền cho chồng là anh Nguyễn Đức H thay mặt chị để tham gia giải quyết vụ án do chị L khởi kiện vợ chồng chị từ ban đầu cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2019 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức H. Do vợ chồng con trai bà phải đi mổ tim ở bệnh viện Bạch Mai nên bà đã đến nhà chị L H để chở cám hộ con trai và con dâu. Cụ thể các lần bà chở: Ngày 23/11/2010 bà xuống đèo loai cám 40x60 thành tiền là 240.000 đồng và 1bao XH 120S thành tiền là 260.000 đồng nhưng không ký vào sổ theo dõi bán cám của chị L. Ngày 25/8/2013 chở 4 bao cám 7510, mỗi bao là 310.000 đồng, thành tiền là 1.240.000 đồng. Ngày 28/8/2013 chở 10 bao cám 7510, mỗi bao là 310.000 đồng, thành tiền là 3.200.000 đồng. Ngày 06/9/2013 chở 5 bao cám T45, mỗi bao là 320.000 đồng, thành tiền là 1.600.000 đồng. Tất cả các loại cám đều là cám gà, trọng lượng là 25kg/ bao, các lần chở cám bà đều chở về cho vợ chồng anh H, chị H chăn nuôi gà. Ngoài các lần chở cám trên bà không mua bán gì với chị L và cũng không chốt sổ

nợ, không ký vào sổ nợ của chị L vì bà đã tách khẩu và ở riêng không liên quan gì đến kinh tế của vợ chồng anh H. Đến nay chị L yêu cầu vợ chồng anh H và bà trả số tiền 72.890.000 đồng và lãi suất, bà không đồng ý trả chị L tiền, số tiền nợ này vợ chồng anh H, chị H phải trả chị L.

Tại phiên tòa bà Th giữ nguyên ý kiến, bà thừa nhận có đến nhà chị L lấy cám 4 lần, có 1 lần bà không ký vào sổ còn 3 lần sau bà có ký vào sổ mua bán cám của chị L với số tiền 6.040.000 đồng. Bà không đồng ý trả chị L số tiền 72.890.000 đồng, vợ chồng anh H chị H phải có trách nhiệm trả chị L số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2019 và các lời khai tiếp theo anh Trần H trình bày: anh cũng không nhớ chính xác năm nào. Vợ chồng anh có bán cám chăn nuôi gia súc, gia cầm cho anh Nguyễn Đức H, chị Ngô Thị H ở thôn Hòa Làng, xã Phúc Hòa, huyện T, tỉnh B. Đến nay vợ chồng anh H còn nợ 72.890.000 đồng. Ngày 19/6/2017 vợ chồng anh được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Đối với khoản tiền mua cám do vợ chồng anh H, bà Th nợ vợ chồng anh trong thời kỳ hôn nhân. Vợ chồng anh thỏa thuận là tài sản riêng của chị L. Chị L toàn quyền quyết định, số tiền này không liên quan gì đến anh. Anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L. Bác yêu cầu của chị L yêu cầu bà Th trả tiền. Buộc vợ chồng anh H, chị H trả chị L tổng số tiền 99.330.800 đồng, trong đó 72.890.000 đồng tiền mua cám nợ và 26.440.800 đồng tiền lãi. Anh H, chị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua cám đối với anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú tại thôn H, xã Ph, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có anh H là người đại diện theo ủy quyền có mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H là theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy: Hai bên đương sự đều thừa nhận anh H, chị H có mua cám chăn nuôi của chị L. Anh H, chị H còn nợ tiền mua cám chị L. Chị L đã đòi nhiều lần nhưng anh H, chị H không trả dẫn đến phải khởi kiện ra Tòa. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Việc giao dịch mua bán trên của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 428, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2005

[3] Xét yêu cầu của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi hai bên thoả thuận mua bán cám chăn nuôi, chị L đã nhiều lần chuyển đủ số cám cho anh H, chị H gồm các loại cám gà, cám vịt, cám lợn như cám số 7510A, số 7512H, số 8512H, số F26, số F26, số F22, số T45... theo giá đã thỏa thuận. Anh H, chị H đã nhận đủ hàng và ký vào sổ theo dõi của chị L về số tiền nợ, tiền trả và từng lần chị L giao hàng. Đến ngày 19/01/2014 chốt nợ là 84.890.000 đồng. Vợ chồng anh H trả chị L 12.000.000 đồng. Căn cứ lời khai của L và sổ theo dõi nợ đã thể hiện thì anh H, chị H còn nợ chị L từ 16/10/2010 đến ngày 23/7/2015 là 72.890.000 đồng. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu anh H, chị H, bà T phải liên đới trả số tiền mua cám 72.890.000 đồng còn nợ và lãi suất là 0,75%/ tháng kể từ ngày 23/7/2015 âm lịch (tức ngày 05/9/2015 dương lịch) cho đến khi xét xử.

Trong quá trình mua bán cám, bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh H 4 lần đến lấy cám, một lần không ký nhận, 3 lần bà Th ký nhận vào sổ theo dõi của chị L. Anh H, chị H cho rằng, vợ chồng anh chị đã tách khẩu và ra ở riêng, việc chăn nuôi và kinh tế không niên quan gì đến bà Th mẹ của anh. Chị H, anh H nhờ mẹ đẻ là bà Th đến nhà chị L để chở cám hộ (04 mã cám) và đều được nhận lại các mã cám mà bà Th chở hộ nên vợ chồng anh chị có trách nhiệm trả chị L số tiền cám đã nợ trong đó có 4 mã cám bà bà Th đã chở hộ vợ chồng anh chị. Tuy nhiên chị L không đồng ý để vợ chồng anh H chị H trả số tiền còn nợ mà chị yêu cầu bà Th phải liên đới trả số tiền 72.890.000 đồng và tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy: Bà Th thừa nhận đã đến nhà chị L lấy 4 mã cám, trong đó có một mã cám ngày 23/11/2010 bà không ký vào sổ của chị L. Trong sổ theo dõi của chị L có ghi là " bà Th đèo hộ" với số tiền là 500.000 đồng, còn 3 mã cám ngày 25/8; ngày 28/8 và ngày 06/9/2013 bà Th ký vào sổ theo dõi của chị L. Tổng số tiền của 3 lần là 6.040.000 đồng. Sau mỗi lần lấy cám về bà về giao lại cho vợ chồng anh H chị H. Tuy nhiên ngoài lời khai của bà Th, anh H, chị H không có chứng cứ chứng minh bà Th đến chở cám hộ vợ chồng anh H 3 mã cám, khi lấy cám bà Th có ký vào sổ của chị L, hơn nữa bà Th và vợ chồng anh H đã tách khẩu và ở riêng. Việc chăn nuôi và kinh tế giữa bà Th và vợ chồng anh H, chị H không liên quan gì nên Hội đồng xét xử cần buộc bà Th phải có trách nhiệm trả số tiền của 3 mã cám bà đến nhà chị L lấy và đã ký vào sổ của chị L vào ngày 25/8/2013, ngày 28/8/2013 và ngày 06/9/2013 với tổng số tiền là 6.040.000 đồng. Anh H, chị H trả chị L số tiền mua cám nợ 66.850.000 đồng là phù hợp. Đối với số tiền mà chị L yêu cầu anh H, chị H và bà Th. Hiện nay anh H, chị L đã ly hôn và

thống nhất số tiền trên là tài sản riêng của chị L, do chị L toàn quyền quyết định, nên Hội đồng xét xử cần buộc bà Th, anh H, chị H phải trả chị L số tiền trên.

Về số tiền lãi, tại phiên tòa chị L yêu cầu lãi suất là 0,75%/ tháng của số tiền 72.890.000.000 đồng, kể từ ngày 23/7/2015 âm lịch (tức ngày 05/9/2015 dương lịch) cho đến khi xét xử vụ án ngày 16/9/2019 dương lịch. Hội đồng xét xử thấy, sau khi chốt nợ ngày 23/7/2015 âm lịch số tiền 72.890.000.000 đồng. Chị L đã đòi vợ chồng anh H, chị H, bà Th nhiều lần nhưng không trả. Vợ chồng anh H, chị H, bà Th đã chậm trả số tiền mua cám còn nợ cho chị L và tại phiên tòa chị L yêu cầu lãi suất là 0,75%/ tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận. Cụ thể:

Số tiền lãi bà Th phải chịu là 0,75%/ tháng kể từ ngày 23/7/2015 âm lịch (tức ngày 05/9/2015 dương lịch) là cho đến khi xét xử ngày 16/9/2019 dương lịch của số tiền 6.040.000 đồng là 48 tháng 11 ngày: 6.040.000 đồng x 0,75%/ tháng x 48 tháng 11 ngày = 2.191.010 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 6.040.000 đồng + 2.190.010 đồng = 8.231.010 đồng.

Số tiền lãi anh H, chị H phải chịu là 0,75%/ tháng kể từ ngày 23/7/2015 âm lịch (tức ngày 05/9/2015 dương lịch) là cho đến khi xét xử ngày 16/9/2019 dương lịch của số tiền 66.850.000 đồng là 48 tháng 11 ngày: 66.850.000 đồng x 0,75%/ tháng x 48 tháng 11 ngày = 24.249.837 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 66.850.000 đồng + 24.249.837 đồng = 91.099.837 đồng.

Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.231.010 đồng x 5% = 411.550 đồng. Anh H, chị H thuộc diện hộ nghèo nên đươc miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 429, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L

Buộc anh Nguyễn Đức H, chị Ngô Thị H và bà Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị L tổng số tiền là 99.330.847 đồng. Trong đó bà Nguyễn Thị Th phải trả chị Ngô Thị L tổng số tiền 8.231.010 đồng, bao gồm 6.040.000 đồng tiền mua cám và 2.191.010 đồng tiền lãi. Anh Nguyễn Đức H và chị Ngô Thị H phải trả chị Ngô Thị L tổng số tiền 91.099.837 đồng, bao gồm 66.850.000 đồng tiền mua cám và 24.249.837 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H và chị Ngô Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 411.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Ngô Thị L 2.915.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002464 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị O